

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/DS-PT
Ngày 18 - 9 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đồng Chung
Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Lê Quốc Hương
- Thư ký phiên toà: Ông Trương Ngọc Thanh là Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên (Vắng mặt).

Ngày 18-9-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLPT-DS, ngày 20-7-2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 26-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2018/QĐ-PT, ngày 14-8-2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh H - Có mặt;
Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: Chị Hà Hồng P - Có mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (địa chỉ mới Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Đặng Thị Bích L - Vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Bà Trần Thị T - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Chị Phan Thị Thanh N - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.
Người kháng cáo: Bị đơn chị Hà Hồng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19-7-2017 của chị Phan Thị Thanh H và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 27-01-2015 (dương lịch), chị H có cho chị P vay số tiền 40.000.000 đồng, có lập giấy viết tay, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 900.000 đồng/tháng/40.000.000 đồng, nhưng chị P vẫn chưa trả cho chị H số tiền gốc và lãi suất nào. Do đó, chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu chị P trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27-01-2015.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H thừa nhận ngày 13-7-2016, chị H có làm mặt điều trị mụn cho chị P chi phí hết 12.000.000 đồng; chị gái chị H (chị Phan Thị Thanh N) xăm môi hết 500.000 đồng; mẹ chị H (bà Trần Thị T) xăm môi, xăm mắt hết 1.500.000 đồng; sau đó chị P cộng thêm số tiền 1.800.000 đồng của chị L điều trị nám để cản trừ nợ. Chị H đồng ý cản trừ cho chị P số tiền 15.800.000 đồng vào tiền gốc.

Ngày 21-02-2018, chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện đối với 15.800.000 đồng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị P phải trả tiền lãi đối với 40.000.000 đồng tính từ ngày 27-01-2015 đến ngày 13-7-2016; buộc chị P phải trả số tiền gốc còn lại 24.200.000 đồng, tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 14-7-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm và không yêu cầu tính lãi suất quá hạn.

Bị đơn chị Hà Hồng P trình bày:

Chị P thừa nhận ngày 27-01-2015 có vay của chị H 40.000.000 đồng; mục đích vay để làm ăn kinh tế; lãi suất là 03% nhưng không ghi vào giấy vay. Chị P đã trả cho chị Hiền 18.000.000 đồng tiền lãi, khi trả không có giấy tờ gì; tiền gốc chị P chưa trả cho chị H.

Ngày 13-7-2016, chị H có đến tiệm của P điều trị sắc đẹp khuôn mặt, chi phí hết 15.000.000 đồng; khi thanh toán tiền chị H đã cản trừ nợ vào số tiền chị P đã vay của chị H. Ngày 28-9-2016, chị H có dẫn chị Đặng Thị Bích L đến tiệm chị P điều trị sắc đẹp, chi phí 15.000.000 đồng, khi thanh toán tiền chị H đã cản trừ nợ vào số tiền đã vay (lý do cản trừ do chị H đang nợ chị L 15.000.000 đồng). Ngày 05-12-2016, chị H có dẫn chị gái và mẹ để chị H đến đến tiệm của chị P điều trị sắc đẹp, chi phí hết 6.600.000 đồng, khi thanh toán tiền chị H đã cản trừ nợ vào số tiền đã vay. Tổng số tiền điều trị làm đẹp là 36.600.000 đồng. Vì vậy, chị không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H, chị P chỉ chấp nhận trả số tiền còn lại 3.400.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Bích L trình bày:

Khoảng tháng 9-2016, chị L có đến trị nám chỗ chị P, hai bên thỏa thuận gói trị nám toàn bộ là 15.000.000 đồng; khi điều trị được khoảng 02 tiếng đồng hồ thì mặt chị bị sưng lên, do không chịu được nên chị không điều trị nữa và ra về; cũng không trả tiền điều trị cho chị P. Giữa chị P và chị H cản trừ nợ cho gói trị nám thì chị hoàn toàn không biết, chị không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:

Năm 2016, bà có đến chỗ chị P xăm môi, mất chi phí hết 1.500.000 đồng; chị H đã trả xong cho bà T nên bà không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Thanh N trình bày:

Chị có đến chỗ chị P xăm môi chi phí hết 500.000 đồng; do chị H trả dùm cho chị N, do đó chị cũng không yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 26-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh H.

Buộc chị Hà Hồng P phải trả cho chị Phan Thị Thanh H tổng số tiền 33.344.100đ *(Ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm đồng)*.

Đình chỉ xét xử do chị Phan Thị Thanh H đã rút đối với số tiền 15.800.000đ *(Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị H có đơn yêu cầu thi hành án, chị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì áp dụng 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23-5-2018 chị Hà Hồng P làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận trả cho chị Phan Thị Thanh H 33.344.100 đồng, chỉ chấp nhận trả số tiền còn nợ 3.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Hà Hồng P, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Ngày 27-01-2015 (dương lịch), chị Hà Hồng P đã vay của chị Phan Thị Thanh H 40.000.000 đồng, có viết giấy tay, thời hạn vay 04 tháng; lãi suất không thỏa thuận trong giấy vay tiền (Bút lục số 32). Chị H thừa nhận, ngày 13-7-2016, chị H đã đồng ý cản trừ cho chị P tổng cộng số tiền 15.800.000 đồng vào tiền gốc đã vay. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc chị P phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền gốc còn nợ và tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của chị P thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị P thừa nhận ngày 27-01-2015 (dương lịch) có vay của chị H 40.000.000 đồng. Sau đó, chị đã trả tiền gốc cho chị H bằng hình thức cản trừ vào chi phí làm đẹp tổng cộng 36.600.000 đồng, nên chỉ còn nợ 3.400.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai chị P cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh lời khai của mình là có căn cứ. Mặt khác, lời khai của chị P cũng không được chị H thừa nhận.

[3]. Về lãi suất, tại thời điểm vay theo chị H trình bày lãi suất thỏa thuận bằng miệng 900.000 đồng/tháng/40.000.000 đồng, chị P cho rằng lãi suất là 03% nhưng không ghi vào giấy vay. Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính lãi suất theo quy định, cụ thể: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Theo quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, thì lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định có hiệu lực áp dụng tại thời điểm ngày 27-01-2015 là 9%/năm (0,75%/tháng và 0.025%/ngày).

Đối với số tiền 40.000.000 đồng tính từ ngày vay (ngày 27-01-2015 đến 13-7-2016) là 17 tháng 16 ngày, cụ thể:

$40.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 17 \text{ tháng} \times 16 \text{ ngày} = 5.260.000 \text{ đồng}.$

Đối số tiền gốc 24.200.000 đồng (từ ngày 14-7-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26-4-2018) là 21 tháng 12 ngày, cụ thể:

$24.200.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 21 \text{ tháng} \times 12 \text{ ngày} = 3.884.100 \text{ đồng}.$

Tổng cộng số tiền gốc và lãi là: 24.200.000 đồng + 5.260.000 đồng + 3.884.100 đồng = 33.344.100 đồng.

[4]. Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hà Hồng P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 26-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Hà Hồng P phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị P đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hà Hồng P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 26-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 15.800.000đ (*Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh H.

Buộc chị Hà Hồng P phải trả cho chị Phan Thị Thanh H tổng cộng 33.344.100 đồng, trong đó 24.200.000 đồng tiền gốc và 9.144.100 đồng tiền lãi suất.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự trong giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hà Hồng P phải nộp 1.667.000 đồng.

Hoàn trả chị Phan Thị Thanh H số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0000916 ngày 05-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hà Hồng P phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên số: 0002682 ngày 04-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Đồng Chung